

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM GIÀNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

-----  
Bản án số: 67/2022/HS-ST  
Ngày: 06 - 9 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Đoàn Thị Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Khương Thị Lơ và ông Dương Văn Ngạn.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2022/TLST-HS ngày 17 - 5 -2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HS ngày 13-7-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/HSST-QĐ ngày 27-7-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/HSST-QĐ ngày 26-8-2022, đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn H**, sinh năm 1954 tại xã Đ, huyện C, tỉnh H; nơi cư trú thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Hoàng Thị M; có vợ là Bùi Thị S1, sinh năm 1960 và 03 con (con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20-12-2021 đến ngày 29-12-2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

**Bị hại:**

1. Công ty TNHH Việt Đức; Trụ sở: số 65 phố Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thy S, sinh năm 1950; địa chỉ: số 65 phố P, phường L, thành phố H, tỉnh D.

2. Ga Cao xá huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: thôn Cao Xá, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Nhân K – Chức vụ: Trưởng ga; địa chỉ: thôn Cao Xá, xã A, huyện C, tỉnh H.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957; cư trú: thôn T, xã X, huyện C, tỉnh H.

2. Ông Vũ Xuân Đ, sinh năm 1950; địa chỉ: thôn L, thị trấn L, huyện C, tỉnh H.

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn L, thị trấn L, huyện C, tỉnh H.

4. Ông Lê Công H1, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện C, tỉnh H.

5. Ông Nguyễn Trường V, sinh năm 1952; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện B, tỉnh H.

6. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn N, xã V, huyện C, tỉnh H.

7. Ông Phạm Xuân M, sinh năm 1957; địa chỉ: khu L, phường T, thành phố H, tỉnh D.

8. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện C, tỉnh H.

9. Ông Lương Xuân, sinh năm 1954; địa chỉ: số 9 phố H, phường V, thành phố H, tỉnh D.

10. Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh D.

11. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1949; địa chỉ: số 9A, ngõ 67/5/15 đường C, phường N, quận L, thành phố HN.

12. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1957; địa chỉ: số 32, ngách 481/73 tổ 6 phường G, quận L, thành phố HN.

13. Bà Hoa Xuân L, sinh năm 1958; địa chỉ: tổ dân phố 17, khu đô thị X, quận Đ, thành phố HN.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà T3, bà H2, bà V1, ông A, ông Ng, ông M1, ông T2, ông V, ông H1, ông T là ông Vũ Xuân Đ, sinh năm 1950; địa chỉ: thôn L, thị trấn L, huyện C, tỉnh H.*

**Người làm chứng:**

1. Bà Phạm Thị C1, sinh năm 1946; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện C, tỉnh H.

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn V, xã C, huyện G, tỉnh H.
3. Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh H.
4. Ông Bùi Thế T4, sinh năm 1945; địa chỉ: số 21/2 phố Q, khu 13, phường B, thành phố H, tỉnh D.
5. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn V, xã C, huyện G tỉnh H.
6. Bà Phạm Thị H4, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện L, tỉnh B.
7. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện G, tỉnh B.
8. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh H.
9. Ông Lê Đình Đ1, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn N, xã C, huyện G, tỉnh H.

*Tại phiên tòa có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người làm chứng (bà C và Đại diện Ga Cao xá có đơn xin xét xử vắng mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:* Nguyễn Văn H là công nhân bán hàng của Công ty vật tư nông nghiệp Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) và được phân công làm việc tại Trạm vật tư Nông nghiệp huyện Cẩm Bình (nay là huyện Cẩm Giàng). Trạm vật tư nông nghiệp Cẩm Bình giao H phụ trách Cửa hàng vật tư nông nghiệp Ghẽ thuộc Trạm vật tư nông nghiệp Cẩm Bình. Nhiệm vụ của H là nhận các loại vật tư nông nghiệp và xuất bán theo số lượng, giá cả được Công ty vật tư nông nghiệp Hải Hưng giao và nộp đủ tiền về Trạm vật tư nông nghiệp Cẩm Bình. Để gia tăng thu nhập cho người lao động, Trạm vật tư nông nghiệp Cẩm Bình còn cho phép người lao động được tự mua bán các mặt hàng vật tư nông nghiệp với các bạn hàng bên ngoài. Quá trình làm việc tại Trạm vật tư nông nghiệp Cẩm Bình, từ tháng 6/1994 đến tháng 11/1994 với tư cách là đại diện Trạm vật tư nông nghiệp Cẩm Bình và tư cách cá nhân, H đã thực hiện các hành vi như sau:

**Vụ thứ nhất:** H phụ trách cửa hàng vật tư nông nghiệp Ghẽ, được tự chủ kinh doanh để đảm bảo hoạt động của cửa hàng và hàng tháng nộp tiền về Công ty vật tư NN Hải Hưng. Ngày 07-02-1994, H được Trạm trưởng Trạm

vật tư NN Cẩm Bình ủy quyền ký hợp đồng mua phân lân Lâm Thao với ga Cao Xá; việc giao hàng và thanh toán tiền các bên đã thực hiện xong. Do ông Đ - trưởng ga tin tưởng H trong hợp tác từ nhiều hợp đồng trước đó nên ngày 20-8-1994, lấy danh nghĩa cá nhân H đã ký HĐKT với Ga Cao Xá nhưng lại tự ý lấy con dấu của Trạm vật tư NN Cẩm Bình đóng. Nội dung hợp đồng: *Nguyễn Văn H - Cán bộ Trạm vật tư NN Cẩm Bình mua 240 tấn phân lân Lâm Thao đóng bao với giá 642 đồng/kg, phương thức giao nhận theo niêm phong cặp chì toa xe, địa điểm giao nhận là ga Cao Xá.* Từ ngày 08-9-1994 đến ngày 05-10-1994, ông Đ - trưởng ga giao cho H nhiều lần tổng số 265.350kg phân lân Lâm Thao = 170.354.700đ. H sử dụng phương tiện cá nhân là xe ô tô IFA biển kiểm soát 34H-1104 (chung với ông H3 và bà X); thuê ông S2 lái xe ô tô IFA và thuê ông Hùng có xe ô tô IFA 34H-0737 đến ga Cao Xá vận chuyển phân lân cho H đi bán cho nhiều người ở nhiều nơi. Từ ngày 25-9-1994 đến ngày 02-11-1994, H đã thanh toán cho ông Đ nhiều lần với tổng số 46.400.000đ, số tiền 123.954.700đ còn nợ, ngày 14-12-1994 H viết giấy biên nhận và hẹn thời gian tới sẽ thanh toán. Ngày 28-12-1994, H bỏ trốn. Đối với số tiền phân lân 123.954.700đ (ông Đ tự bỏ ra 70.000.000đ cùng số tiền còn lại là quỹ tự kinh doanh của tập thể anh chị em nhà ga) đã trả về cho Hạt vận tải đường sắt Hà Hải.

Ngày 05-02-1995, Ga Cao Xá có đơn đề nghị án kinh tế; ngày 08-3-1995 có lệnh truy nã H về hành vi này.

**Vụ thứ hai:** Ngày 15-02-1995, Trạm vật tư NN Cẩm Bình có văn bản báo cáo; Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Bình đã điều tra làm rõ hành vi như sau: Với tư cách phụ trách Cửa hàng vật tư NN Ghề thuộc Trạm vật tư nông nghiệp huyện Cẩm Bình, H biết Trạm vật tư nông nghiệp Cẩm Bình có đăng ký lấy phân lân của Công ty vật tư NN Hải Hưng để bán, H đã chủ động đăng ký với Trạm vật tư NN Cẩm Bình về việc tiêu thụ phân lân Lâm Thao. Trạm vật tư NN Cẩm Bình đồng ý và cấp giấy giới thiệu cho H đến nhận phân lân tại ga Cao Xá và ga Cẩm Giàng do Công ty vật tư NN Hải Hưng chuyển về. Việc nhận hàng về bán và nộp tiền cho Trạm vật tư NN Cẩm Bình thông qua các phiếu thu. Số lượng hàng xuất bán, giá cả và số hàng còn nợ được cập nhật vào thẻ kho do kế toán của Trạm vật tư NN Cẩm Bình quản lý. Tại thẻ kho số 9 ngày 20-6-1994, H nhập 99.950 kg phân lân Lâm Thao giá 638 đồng/kg, đã bán được 91.349 kg = 58.280.662đ và đã nộp tiền về Trạm, còn lại 8.601kg = 5.487.438đ H bán nhưng không nộp số tiền này về Trạm vật tư. Tại thẻ kho số 10 ngày 05-10-1994, H nhập 30.000 kg phân lân Lâm Thao giá 647,5đ/kg, đã bán được 11.307 kg = 7.321.282đ và đã nộp tiền về Trạm, còn lại

18.693kg = 12.103.717đ H bán nhưng không nộp tiền về Trạm vật tư. Tổng số tiền 02 thẻ H còn nợ 17.591.155đ = 27.294 kg phân lân nhưng H không trả cho Trạm vật tư NN Cẩm Bình để Trạm chuyển trả Công ty vật tư nông nghiệp Hải Hưng. Đến nay Công ty vật tư nông nghiệp Hải Hưng đã giải thể.

**Vụ thứ ba:** Ngày 27-3-1995, Công ty TNHH Việt Đức có đơn đề nghị về hành vi mua xe trả góp của Nguyễn Văn H. Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Bình đã điều tra làm rõ hành vi như sau:

Với tư cách cá nhân, ngày 20-6-1994, H ký hợp đồng mua xe gắn máy trả góp số 45/TG với Công ty TNHH Việt Đức, địa chỉ: số 65 Phạm Ngũ Lão, thị xã Hải Dương (nay là thành phố Hải Dương). Theo hợp đồng bên bán và bên mua thỏa thuận: *H mua 01 xe mô tô nhãn hiệu ANGEL 80, màu xanh với giá 1.770 USD, đã thanh toán 600USD, số tiền còn lại là 1.170 USD trả góp trong thời hạn 18 tháng; kết thúc ở kỳ thứ 18 là ngày 20-12-1995. Sau khi ký hợp đồng, H đã trả được 5 tháng, mỗi tháng là 65 USD.* Đến ngày 20-11-1994, H đã thanh toán tổng 925USD, còn nợ lại 845USD tương ứng với số tiền 9.337.000đ. Thời điểm này do làm ăn thua lỗ không có khả năng trả tiếp nên ngày 04-12-1994, H bán lại chiếc xe trên cho ông Hoàng Văn P, trú tại Ghẽ, xã T, huyện C với giá 16.000.000đ và chi tiêu cá nhân hết số tiền bán xe.

Ngày 11-4-1995, ông Thịnh tự giác giao nộp xe và giấy tờ xe. Ngày 20-6-1995, Hội đồng định giá (gồm Cơ quan điều tra-Viện kiểm sát-Sở tài chính tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) xác định giá trị của chiếc xe máy ANGEL 80 màu xanh là 10.300.000đ. Ngày 22-6-1995, Công ty Việt Đức đã nhận đủ tiền trả góp còn lại là 845 USD = 9.337.000đ (1 USD = 11.050) và không còn yêu cầu khác. Số tiền còn lại 963.000đ đã được trả lại cho gia đình H.

Ngày 20-12-2021, H ra đầu thú. Ngày 11-3-2022, gia đình bị cáo đã trả ông Đ và quỹ tập thể anh chị em nhà ga cũ tổng số tiền theo thỏa thuận 180.000.000đ, ông Đ là người đại diện theo ủy quyền không còn yêu cầu khác.

**Cáo trạng** số 45/CT-VKS ngày 16-5-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn H phạm Tội tham ô tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

**Trong phần tranh luận tại phiên tòa**, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm Tội tham ô tài sản và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

- Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 18 tháng đến 21 tháng tù về Tội tham ô tài sản, kể từ ngày bị tạm giữ 20-12-2021.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 30 tháng đến 33 tháng tù về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, kể từ ngày bị tạm giữ 20-12-2021.

Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội bị cáo phải chịu từ 48 tháng đến 54 tháng tù, kể từ ngày bị tạm giữ 20-12-2021.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng.
- Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

**Tại phiên tòa** bị cáo thừa nhận các hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã công bố và khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo về các tội danh, khung khoản là đúng, không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận định giá.

*Lời nói sau cùng trong phiên tòa:* bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*Người tham gia tố tụng:* bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt; xét thấy sự vắng mặt của những người này không làm trở ngại đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về hành vi của bị cáo:* lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp với Kết luận định giá tài sản; các thẻ kho có chữ ký của bị cáo; Hợp đồng, sổ có chữ ký của bị cáo và các tài liệu

khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 5/1994 đến tháng 11/1994, Nguyễn Văn H là nhân viên của Trạm vật tư nông nghiệp Cẩm Bình, được giao nhiệm vụ nhận các loại vật tư và xuất bán theo số lượng, giá cả được giao, nộp đủ tiền về Trạm. Với tư cách là đại diện Trạm vật tư nông nghiệp Cẩm Bình và tư cách cá nhân, H đã thực hiện các hành vi sau:

Với tư cách cá nhân, ngày 20-8-1994 H ký hợp đồng mua 240 tấn phân lân đóng bao của Ga Cao Xá, xã Cao An, huyện Cẩm Bình (nay là huyện Cẩm Giàng) với giá 642 đồng/kg. Từ ngày 08-9-1994 đến ngày 05-10-1994, ga Cao Xá giao cho H tổng số 265.350kg phân lân Lâm Thao, tương đương 170.354.700đ. H đã trả cho Ga Cao Xá nhiều lần, tổng số 46.400.000đ, còn lại 123.954.700đ H không trả và bỏ trốn.

Với nhiệm vụ là phụ trách Cửa hàng vật tư nông nghiệp Ghề thuộc Trạm vật tư nông nghiệp huyện Cẩm Bình (nay là huyện Cẩm Giàng), lợi dụng việc được bán phân cho Công ty vật tư nông nghiệp Cẩm Bình, từ tháng 6 đến tháng 10/1994, H đã chiếm đoạt 27.294kg phân lân trị giá 17.591.155đ của Trạm vật tư nông nghiệp Cẩm Bình.

Với tư cách cá nhân, ngày 20-6-1994 H ký hợp đồng với Công ty TNHH Việt Đức, địa chỉ: số 65 Phạm Ngũ Lão, thị xã Hải Dương (nay là thành phố Hải Dương) mua trả góp 01 xe mô tô nhãn hiệu ANGEL 80, màu xanh với giá 1.770 USD, trả trước 600USD, số còn lại trả góp nhiều kỳ; H đã trả được 5 kỳ mỗi kỳ 65USD; tổng số tiền H đã trả 925USD, còn nợ lại 845USD trị giá 9.337.000đ. Sau đó H bán xe được 16.000.000đ nhưng không trả tiền cho Công ty Việt Đức mà chi tiêu hết.

Bị cáo H là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lợi dụng lòng tốt và sự tin tưởng của người khác để có được tài sản một cách hợp pháp, sau đó không có ý thức trả đã bỏ trốn. Căn cứ vào hành vi và giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của Công ty Việt Đức và của Ga Cao Xá, đã đủ yếu tố cấu thành Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do bị cáo Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 2 vụ tổng số tiền là 133.291.700đ thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với 27.294kg phân lân Lâm Thao của Công ty vật tư nông nghiệp Cẩm Bình, bị cáo nhận thức được với vai trò là người phụ trách cửa hàng làm thất thoát 27.294kg phân lân mà mình có trách nhiệm quản lý là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo H đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty vật tư nông nghiệp Cẩm Bình được Nhà nước bảo vệ. Xét về hành vi và giá trị

27.294kg phân lân = 17.591.155đ mà bị cáo chiếm đoạt đã đủ yếu tố cấu thành Tội Tham ô tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tổng giá trị tài sản bị cáo H chiếm đoạt trong ba vụ là 150.882.855đ. Như vậy, Viện kiểm sát nhân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo Nguyễn Văn H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các Công ty và ga Cao Xá; gây mất trật tự trị an xã hội và tâm lý hoang mang trong địa bàn huyện Cẩm Giàng. HĐXX xem xét mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo chưa có tiền án tiền sự nên xác định là người có nhân thân tốt.

Trong một khoảng thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện 2 hành vi cùng về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành 1 tội phạm độc lập là tội Lạm dụng và trước đó chưa bị truy tố; do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; đã tự nguyện bồi thường và khắc phục hậu quả cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị cáo ra đầu thú và có anh trai là liệt sỹ; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ HĐXX quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo Điều 54 Bộ luật hình sự đối với tội Tham ô tài sản. Bị cáo phạm 2 tội nên áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành. Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện tự cải tạo trở thành người công dân tốt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 20-6-1995, Hội đồng định giá (gồm Cơ quan điều tra-Viện kiểm sát-Sở tài chính tỉnh Hải Hưng) định giá bán chiếc xe máy ANGEL 80 màu xanh được 10.300.000đ. Công ty Việt Đức đã nhận đủ tiền trả góp còn thiếu 845 USD = 9.337.000đ (1 USD = 11.050), không còn yêu cầu gì khác nên HĐXX không phải giải quyết. Số tiền còn thừa 963.000đ bà Bùi thị S1 (vợ bị cáo) đã nhận thay, tại phiên tòa bị cáo xác nhận đã nhận lại đủ tiền nên HĐXX không phải giải quyết.



Đối với số tiền 17.591.155đ của Công ty vật tư nông nghiệp Cẩm Bình: bị cáo tự nguyện nộp cả 17.600.000đ (do chị Nguyễn Thị L1 nộp thay tại Biên lai thu số AA/2020/0000832 ngày 10-8-2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng). Do Công ty vật tư nông nghiệp Cẩm Bình đã giải thể nên sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền này.

Đối với số tiền 123.954.700đ bị cáo còn nợ Ga Cao Xá, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền này cho ga. Tuy nhiên tại thời điểm năm 1995 cá nhân ông Đ đã bỏ ra 70 triệu đồng + số tiền quỹ làm ăn chung của tập thể các thành viên trong ga trả hết nợ nên Người đại diện theo pháp luật của ga và các ông bà ( Đ, T, H1, V, T2, M1, N, A, V1, H2, T3, L) đề nghị tòa án tuyên hoàn trả thẳng số tiền trên cho ông Đ đại diện nhận cho tập thể thành viên ga cũ. Quá trình điều tra gia đình bị cáo đã hoàn trả số tiền theo thỏa thuận cho ông Đ đại diện nhận là 180.000.000đ và không còn yêu cầu khoản nào khác nên HĐXX không phải giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác: đối với hành vi của bà Nguyễn Thị X mua 74 tấn phân lân của H, ông Nguyễn Đức T6 trông coi phân lân cho H, ông Hoàng Văn P mua xe mô tô của H, ông Trần Văn S2, Vũ Đình H5 chở lân cho H không có dấu hiệu tội phạm nên không có căn cứ xử lý.

Bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ dân sự, việc kê biên tài sản của bị cáo là không cần thiết, cần hủy bỏ.

[7] Về án phí: bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ** khoản 1 Điều 353; điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 (*đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ, anh trai là liệt sỹ*) Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên bố** bị cáo Nguyễn Văn H phạm Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Tội tham ô tài sản;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 28 (*hai mươi tám*) tháng tù về Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 16 (*mười sáu*) tháng tù về Tội tham ô tài sản; tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 44 (*bốn mươi tư*) tháng tù; thời hạn tính từ ngày bắt 20-12-2021.

**Biện pháp tư pháp:** áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

Sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 17.600.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2020/0000832 ngày 10-8-2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 74 ngày 08-3-1995 của Cơ quan sảo sát điều tra Công an tỉnh Hải Hưng.

**Án phí:** Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn H.

**Quyền kháng cáo:** bị cáo H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan CSĐT Công an H Cẩm Giàng ;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Cơ quan THAHS huyện Cẩm Giàng.
- Chi cục THADS H. Cẩm Giàng.
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ, lưu VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Thị Thúy**